

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
97 PHẠM HỮU CHÍ PHƯỜNG 12 QUẬN 5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2018



NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2018	01/01/2018
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209,889,172,389	197,919,788,468
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30,704,509,108	50,360,540,017
1. Tiền	111		23,204,509,108	18,660,540,017
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,500,000,000	31,700,000,000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	35,044,164,384	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35,044,164,384	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123,296,482,184	123,101,316,053
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	114,067,410,577	112,385,056,009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,818,278,962	9,107,224,611
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4,395,884,181	3,594,126,969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,985,091,536)	(1,985,091,536)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	14,934,723,959	20,068,590,750
Hàng tồn kho	141		14,934,723,959	20,068,590,750
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		5,909,292,754	4,389,341,648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,002,820,733	3,289,786,145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,351,238,402	1,099,555,503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.0	1,555,233,619	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274,021,379,421	284,129,949,136
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		7,901,515	7,901,515
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7,901,515	7,901,515
II . Tài sản cố định	220		221,810,227,847	215,821,215,714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	221,293,282,789	215,164,353,136
Nguyên giá	222		706,169,855,584	679,798,003,772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(484,876,572,795)	(464,633,650,636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	516,945,058	656,862,578
Nguyên giá	228		4,801,186,666	4,651,186,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,284,241,608)	(3,994,324,088)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	8,920,149,632	12,468,282,925
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8,920,149,632	12,468,282,925
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		43,274,770,427	55,824,218,982
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	43,274,770,427	55,824,218,982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		483,910,551,809	482,049,737,604

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		293.308.455.836	273.321.677.654
I . Nợ ngắn hạn	310		252.877.383.838	249.574.374.664
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	171.635.987.582	153.361.303.772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.0a	7.223.587.677	4.334.289.690
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.0	8.522.939.284	15.384.220.961
Phải trả người lao động	314		4.570.374.450	17.554.600.887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.0a	35.510.449.882	39.515.227.083
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.0	20.282.911.822	15.483.856.213
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.0	892.222.376	1.788.212.721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.0a	4.238.910.765	2.152.663.337
II . Nợ dài hạn	330		40.431.071.998	23.747.302.990
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	18.767.690.592	18.845.260.211
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	20.473.075.235	3.711.736.608
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15	1.190.306.171	1.190.306.171
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.602.095.973	208.728.059.950
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.16	190.602.095.973	208.728.059.950
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.531	63.113.094.929
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.247.627.558)	15.614.965.021
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>			<i>1.341.752.120</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(3.247.627.558)</i>	<i>14.273.212.901</i>
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		483.910.551.809	482.049.737.604

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2018


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ 6 THÁNG	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		250.812.298.711	271.693.865.676	485.502.944.905	505.675.071.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		106.496.894	68.757.896	263.991.228	111.215.626
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	250.705.801.817	271.625.107.780	485.238.953.677	505.563.856.111
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	237.263.064.379	256.620.198.575	463.347.523.807	484.167.136.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.442.737.438	15.004.909.205	21.891.429.870	21.396.720.021
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	448.355.939	177.831.257	591.337.604	287.174.598
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	183.990.783	201.741.475	340.461.419	417.687.225
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		183.990.783	201.741.475	340.461.419	417.687.225
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.360.528.921	3.403.505.064	8.006.331.285	6.520.456.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.306.770.857	9.802.082.296	18.480.068.643	17.729.596.023
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(960.197.184)	1.775.411.627	(4.344.093.873)	(2.983.844.878)
11. Thu nhập khác	31		1.004.121.343	467.915.904	1.112.024.274	1.160.521.136
12. Chi phí khác	32		293.050.755	704.404.032	15.557.959	(125.833.906)
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	711.070.588	(236.488.128)	1.096.466.315	1.286.355.042
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(249.126.596)	1.538.923.499	(3.247.627.558)	(1.697.489.836)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(249.126.596)	1.538.923.499	(3.247.627.558)	(1.697.489.836)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	(19)	118	(250)	(131)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	(19)	118	(250)	(131)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2018


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng




 HUỖNH TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng 2018	6 tháng 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.247.120.428)	(1.697.489.836)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.611.101.788	22.471.785.980
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(696.792.149)	(287.174.598)
- Chi phí lãi vay	06		340.461.419	417.687.225
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.007.650.630	20.904.808.771
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.085.520.149)	(13.604.046.741)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.133.866.791	50.038.187.175
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27.692.309.565	54.842.834.425
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.836.413.967	(82.395.747.759)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(340.461.419)	(417.687.225)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.520.826.326)	(3.178.813.252)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113.590.000	193.234.127
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.805.678.995)	(3.668.912.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.031.344.064	22.713.857.120
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.857.970.928)	(23.645.682.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		105.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.044.164.384)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		674.775.104	320.757.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.121.905.663)	(23.324.924.324)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(895.990.345)	(1.247.435.966)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.669.478.965)	(68.102.249)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.565.469.310)	(1.315.538.215)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.656.030.909)	(1.926.605.419)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.360.540.017	45.735.185.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	30.704.509.108	43.808.580.258

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2018


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng



Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 444 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 448 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty Cổ Phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thay đổi ước tính kế toán

Căn cứ Thông tư 23/2013/TT-BKHHCN về việc quy định đo lường đối với các phương tiện đo nhóm 2, trong đó đồng hồ nước lạnh cơ khí chu kỳ kiểm định là 5 năm. Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian phân bổ các chi phí phát sinh liên quan đến việc gắn mới đồng hồ nước từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phụ không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”. cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu. Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật. Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số năm

Phương tiện truyền dẫn

10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cô tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ....

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cô tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cô tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	33.206.580	17.995.993
Tiền gửi ngân hàng	23.171.302.528	18.642.544.024
Các khoản tương đương tiền (*)	7.500.000.000	31.700.000.000
Cộng	30.704.509.108	50.360.540.017

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng tại ngân hàng thương mại Cổ Phần Sài Gòn và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất 6%/năm (năm 2017: 5%/năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
<i>Ngắn hạn</i>	35.044.164.384	35.044.164.384
Tiền gửi có kỳ hạn	35.044.164.384	35.044.164.384
Cộng	35.044.164.384	35.044.164.384

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	114.067.410.577	1.985.091.536	112.385.056.009	1.985.091.536
Cộng	114.067.410.577	1.985.091.536	112.385.056.009	1.985.091.536

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	104.486.986.997	-	104.486.986.997	-
Cộng	104.486.986.997	-	104.486.986.997	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	536.000.000	2.196.000.000
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	-	1.238.991.723
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.021.211.847	1.614.682.386
Công Ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	476.398.620	810.821.820
Công ty TNHH MTV BẮ ĐỨC	2.132.117.814	1.702.000.000
Công Ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	176.086.107	446.849.460
Các khách hàng khác	2.476.464.574	1.097.879.222
Cộng	6.818.278.962	9.107.224.611

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	176.086.107	446.849.460
Cộng	176.086.107	446.849.460

5. Các khoản phải thu khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	4.395.884.181	-	3.594.126.969	-
Phải thu khác là bên liên quan	2.872.765.106	-	2.987.027.416	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.872.765.106	-	2.987.027.416	-
Phải thu khác	1.523.119.075	-	607.099.553	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1.226.459.392	-	184.938.868	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	83.437.500	-
Phải thu khác	260.459.683	-	239.917.185	-
Tạm ứng	36.200.000	-	98.806.000	-
b) Phải thu dài hạn khác	7.901.515	-	7.901.515	-
Ký quỹ dài hạn	7.901.515	-	7.901.515	-
Cộng	4.403.785.696	-	3.602.028.484	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	114.067.410.577	112.082.319.041	1.985.091.536	112.385.056.009	110.399.964.473	1.985.091.536
Cộng	114.067.410.577	112.082.319.041	1.985.091.536	112.385.056.009	110.399.964.473	1.985.091.536

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.806.942.713	-	13.608.878.562	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.246	-	6.459.712.188	-
Cộng	14.934.723.959	-	20.068.590.750	-

8. Chi phí trả trước

	30/06/2018	01/01/2018
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.002.820.733	3.289.786.145
Công cụ dụng cụ	2.002.820.733	2.492.386.145
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	797.400.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	43.274.770.427	55.824.218.982
Chi phí sửa chữa văn phòng	135.045.183	186.159.069
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	27.179.985.899	39.484.914.311
Thay đồng hồ nước	7.666.325.200	9.400.948.072
Chi phí CTOM	681.499.378	235.999.151
Lắp đặt màn sáo	32.353.832	51.766.134
Chi phí cải tạo ống mục & thay ĐHN điện từ phục vụ CTTN	5.199.626.895	2.947.263.633
Công cụ dụng cụ	71.043.913	106.565.871
Phần mềm ARCGIS	1.992.495.418	2.988.743.128
Xây dựng nhà kho vật tư	316.394.709	421.859.613
Cộng	45.277.591.160	59.114.005.127

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải. truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	29.000.000.000	936.718.486	632.169.320.477	17.691.964.809	679.798.003.772
Tăng trong năm	216.148.586	-	29.295.336.637	705.857.000	30.217.342.223
Mua trong năm	-	-	-	705.857.000	705.857.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	216.148.586	-	29.295.336.637	-	29.511.485.223
Giảm trong năm	-	-	3.845.490.411	-	3.845.490.411
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	1.767.228.302	-	1.767.228.302
Sửa chữa, tu bổ	-	-	1.665.526.480	-	1.665.526.480
30/06/2018	29.216.148.586	936.718.486	657.619.166.703	18.397.821.809	706.169.855.584
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	1.159.999.997	847.677.644	450.817.590.257	11.808.382.738	464.633.650.636
Tăng trong năm	291.843.495	21.467.124	20.623.870.459	1.384.003.190	22.321.184.268
Khấu hao trong năm	291.843.495	21.467.124	20.623.870.459	1.384.003.190	22.321.184.268
Giảm trong năm	-	-	2.078.262.109	-	2.078.262.109
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Sửa chữa, tu bổ	-	-	1.665.526.480	-	1.665.526.480
30/06/2018	1.451.843.492	869.144.768	469.363.198.607	13.192.385.928	484.876.572.795
Giá trị còn lại					
01/01/2018	27.840.000.003	89.040.842	181.351.730.220	5.883.582.071	215.164.353.136
30/06/2018	27.764.305.094	67.573.718	188.255.968.096	5.205.435.881	221.293.282.789
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
01/01/2018	-	742.166.486	260.664.393.820	4.538.556.430	265.945.116.736
30/06/2018	-	742.166.486	269.736.561.305	6.263.785.872	276.742.513.663

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá		
31/12/2017	4.651.186.666	4.651.186.666
Tăng trong năm	150.000.000	150.000.000
<i>Mua trong năm</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Giảm trong năm		
30/06/2018	4.801.186.666	4.801.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
31/12/2017	3.994.324.088	3.994.324.088
Tăng trong năm	289.917.520	289.917.520
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>289.917.520</i>	<i>289.917.520</i>
Giảm trong năm		
30/06/2018	4.284.241.608	4.284.241.608
Giá trị còn lại		
01/01/2018	656.862.578	656.862.578
30/06/2018	516.945.058	516.945.058
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
01/01/2018	3.600.946.666	3.600.946.666
30/06/2018	3.600.946.666	3.600.946.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	3.262.545.543	3.332.960.847
Công trình chống thất thoát nước	986.897.046	3.033.189.793
Công trình cải tạo ống mục	21.344.932	350.541.982
Công trình ống cái	1.457.486.362	1.769.079.945
Phát triển mạng lưới	3.191.875.749	3.982.510.358
Hóa đơn điện tử	-	-
Cộng	8.920.149.632	12.468.282.925

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	165.288.139.602	165.288.139.602	145.615.297.241	145.615.297.241
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	-	-	-	-
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	74.106.992	74.106.992	74.106.992
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5	-	-	2.909.598.399	2.909.598.399
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Minh Hòa	-	-	-	-
Cty TNHH Đan Vĩ	16.493.437	16.493.437	16.493.437	16.493.437
Cty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	1.783.883.660	1.783.883.660	901.542.711	901.542.711
Cty TNHH P.T.P	920.122.500	920.122.500	-	-
Công ty QL CTGT Sài Gòn	572.315.082	572.315.082	-	-
Nhà cung cấp khác	2.980.926.309	2.980.926.309	3.844.264.992	3.844.264.992
Cộng	171.635.987.582	171.635.987.582	153.361.303.772	153.361.303.772

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	165.288.139.602	165.288.139.602	145.615.297.241	145.615.297.241
Cộng	165.288.139.602	165.288.139.602	145.615.297.241	145.615.297.241

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Truy thu tiền thất thoát nước	1.141.319.881	440.121.156
Tạm thu chi phí thiết kế ống nhánh	177.687.998	148.687.998
Tiền nước chưa giải trách	5.745.171.425	3.594.594.439
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	19.367.000	19.367.000
Các khách hàng khác	140.041.373	131.519.097
Cộng	7.223.587.677	4.334.289.690

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.187.313.163		3.520.826.326	(1.333.513.163)
Thuế thu nhập cá nhân	360.675.024	2.187.854.357	2.770.249.837	(221.720.456)
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	4.250.995.800	7.078.856.000	11.329.851.800	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	8.585.236.974	45.878.197.864	45.940.495.554	8.522.939.284
Cộng	15.384.220.961	55.147.908.221	63.564.423.517	6.967.705.665

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	773.422.951	10.679.095.194
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	3.767.967.254	28.442.618.322
Trích trước chi phí gắn Ống cái		349.189.056
Trích trước thuê tài sản	24.015.298.554	
Trích trước chi phí mua sỉ nước sạch do chênh lệch giá	6.953.761.123	
Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ khác		44.324.511
Cộng	35.510.449.882	39.515.227.083

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	20.282.911.824	15.483.856.213
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	110.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.566.166.646	5.158.604.073
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	249.093.072	239.749.986
Cổ tức phải trả cho cổ đông	6.546.754.354	1.116.233.319
Các khoản phải trả khác	692.415.146	1.740.786.229
b) Phải trả dài hạn khác	18.767.690.592	18.845.260.211
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	18.767.690.592	18.845.260.211
Cộng	39.050.602.416	34.329.116.424
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	110.000.000
Cộng	7.219.095.468	7.219.095.468

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2018		Trong năm		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.788.212.721	1.788.212.721	-	895.990.345	895.990.345	895.990.345
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.16b (i))	1.788.212.721	1.788.212.721		895.990.345	895.990.345	895.990.345
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.711.736.608	3.711.736.608	16.761.338.627	-	20.473.075.235	20.473.075.235
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	3.711.736.608	3.711.736.608			3.711.736.608	3.711.736.608
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT			16.761.338.627		16.761.338.627	16.761.338.627
Cộng	5.499.949.329	5.499.949.329	16.761.338.627	895.990.345	21.365.297.611	21.365.297.611

(i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau :

- [1] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 336.297.823 VND
- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009
+ Hạn mức vay : 705.845.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND. kỳ 36 trả 19.606.825 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016	: 82.195.229 VND
[3] - Hợp đồng vay	: Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010
+ Hạn mức vay	: 108.942.413 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc	: Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND
+ Lãi vay	: 8.4%/năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016	: 45.392.655 VND
[4] - Hợp đồng vay	: Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	: 2.555.536.000 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND)
+ Lãi vay	: 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016	: 1.566.542.460 VND

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- [5] - Hợp đồng vay : Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay : 5.239.758.000 VND
+ Thời gian ân hạn : 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ)
- Từ kỳ 1 tới 35 : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ
: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ
- Kỳ 36 : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ
: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ
+ Lãi vay : 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 3.193.529.471 VND
- [6] - Hợp đồng vay : Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay : 8.155.804.000 VND
+ Thời gian ân hạn : 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND)
+ Lãi vay : 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 2.475.161.446 VND

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(7) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông Nghiệp theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng vay	: Hợp đồng 6220/LAV-201701235/HĐTD ngày 30/11/17 (giấy nhận nợ 6220-LDS-201800071 ngày 17/01/2018)
+ Hạn mức vay	: 2.003.310.524 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 29 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 28 là 69.070.000 VND; Kỳ 29 là 69.350.524 VND)
+ Lãi vay	: 12 tháng đầu là 7.5%/ năm, tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng /lần hoặc kì động lãi suất cho vay trên thị trường theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
+ Thời hạn vay	: 08 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày 20 của tháng cuối quý, bắt đầu trả nợ gốc ngày 17/01/2019
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Hợp đồng vay</i>	: <i>Hợp đồng 6220/LAV-201701235/HĐTD ngày 30/11/17 (giấy nhận nợ 6220-LDS 201800381 ngày 02/04/2018)</i>
+ Hạn mức vay	: 0
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 29 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 28 là 117.000.000 VND; Kỳ 29 là 131.596.593 VND)
+ Lãi vay	12 tháng đầu là 7,5%/ năm, tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng /lần hoặc khi có biến độ cho vay trên thị trường theo quy 9inh5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
+ Thời hạn vay	: 8 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày 20 hàng quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

-	Hợp đồng vay	: Hợp đồng 6220/LAV-201701235/HĐTD ngày 30/11/17 (giấy nhận nợ 6220-LDS-201800499 ngày 20/04/2018)
+	Hạn mức vay	: 2.636.492.238
+	Thời gian ân hạn	: 1 năm
+	Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 29 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 28 là 90.000.000 VND; Kỳ 29 là 116.492.238 VND)
		: 12 tháng đầu là 7,5%/ năm, tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng /lần hoặc khi có biến động lãi suất cho vay trên thị trường theo quy 9inh5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
+	Lãi vay	: 8 năm
+	Thời hạn vay	: 3 tháng 1 lần vào ngày 20 hàng quý
+	Kỳ hạn thanh toán lãi	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+	Mục đích vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+	Tài sản đảm bảo	
		: Hợp đồng 6220/LAV-201701235/HĐTD ngày 30/11/17 (giấy nhận nợ 6220-LDS-201800541 ngày 26/04/2018)
-	Hợp đồng vay	: 2.900.000.000
+	Hạn mức vay	: 1 năm
+	Thời gian ân hạn	: Chia 29 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 29 là 100.000.000 VND)
+	Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: 12 tháng đầu là 7,5%/ năm, tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng /lần hoặc khi có biến động lãi suất cho vay trên thị trường theo quy 9inh5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
+	Lãi vay	: 8 năm
+	Thời hạn vay	: 3 tháng 1 lần vào ngày 20 hàng quý
+	Kỳ hạn thanh toán lãi	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+	Mục đích vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+	Tài sản đảm bảo	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

-	Hợp đồng vay	: Hợp đồng 6220/LAV-201701235/HĐTD ngày 30/11/17 (giấy nhận nợ 6220-LDS-201800547 ngày 26/04/2018)
+	Hạn mức vay	: 2.478.972.247
+	Thời gian ân hạn	: 1 năm
+	Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 29 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 28 là 85.000.000 VND; Kỳ 29 là 98.972.247 VND)
+	Lãi vay	: 12 tháng đầu là 7,5%/ năm, tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng /lần hoặc khi có biến động lãi suất cho vay trên thị trường theo quy 9inh5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
+	Thời hạn vay	: 8 năm
+	Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày 20 hàng quý
+	Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+	Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng vay	: Hợp đồng 6220/LAV-201701235/HĐTD ngày 30/11/17 (giấy nhận nợ 6220-LDS- 201800540 ngày 26/04/2018)
+	Hạn mức vay	: 3.334.967.025
+	Thời gian ân hạn	: 1 năm
+	Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 29 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 28 là 114.000.000 VND; Kỳ 29 là 142.967.025 VND)
+	Lãi vay	: 12 tháng đầu là 7,5%/ năm, tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng /lần hoặc khi có biến động lãi suất cho vay trên thị trường theo quy 9inh5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
+	Thời hạn vay	: 8 năm
+	Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày 20 hàng quý
+	Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+	Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Ngân hàng NN&PTNT được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2018	01/01/2018
Trong vòng 1 năm	2.865.514.712	1.788.212.721
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	12.020.634.272	3.711.736.608
Sau 5 năm	6.479.148.627	-
Cộng	21.365.297.611	5.499.949.329
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(2.865.514.712)	(1.788.212.721)
Số phải trả sau 12 tháng	18.499.782.899	3.711.736.608

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 30 tháng 06
2017					
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	2.455.143.608	113.100.000	1.951.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	2.985.547.250	5.650.401	108.166.828
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	678.594.669	660.087.543	74.483.726	92.990.852
Cộng	2.281.871.188	5.778.336.423	6.100.778.401	193.234.127	2.152.663.337
2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	2.667.730.000	113.590.000	1.947.236.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	817.316.869	-	2.217.190.505
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	92.990.852	302.125.000	320.632.126	-	74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	3.805.678.995	113.590.000	4.238.910.765

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.784	209.333.183.476
Lãi trong năm trước	-	-	14.273.212.901	14.273.212.901
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.021	208.728.059.950
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.025	208.728.059.954
Lãi trong năm nay	-	-	(3.247.627.558)	(3.247.627.558)
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	736.628.602	(736.628.602)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
30/06/2018	130.000.000.000	63.849.723.531	(3.247.627.558)	190.602.095.973

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		30/06/2018	01/01/2018
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2.13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	14.200.000.000	10.92	-	14.200.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	40.724.480.000	31.33	54.924.480.000	40.724.480.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần	485.238.953.677	505.563.856.111
Doanh thu cung cấp nước	478.326.954.504	494.890.426.854
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.911.999.173	10.673.429.257
Cộng	485.238.953.677	505.563.856.111
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp nước	455.188.647.264	478.481.398.073
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.158.876.543	5.685.738.017
Cộng	463.347.523.807	484.167.136.090
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	569.791.383	240.016.633
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.546.221	47.157.965
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	591.337.604	287.174.598

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	340.461.419	417.687.225
Cộng	340.461.419	417.687.225
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	5.86.894.920	5.147.834.091
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.108.258.282	234.360.364
Chi phí khấu hao	463.406.820	407.657.878
Chi phí bằng tiền khác	1.347.771.263	730.603.916
Cộng	8.006.331.285	6.520.456.249
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	9.258.464.550	9.430.266.587
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.705.229.592	622.143.971
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.965.764.204	1.924.188.603
Thuế, phí và lệ phí	105.701.770	450.564.394
Thuế đất	1.057.381.600	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.042.823	1.342.118.594
Chi phí bằng tiền khác	4.139.484.104	3.960.313.874
Cộng	18.480.068.643	17.729.596.023
7. Lợi nhuận khác		
Thu nhập khác	1.112.024.274	1.160.521.136
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	3.636.364	66.363.643
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	327.223.252	175.580.812
Thanh lý TCSD	105.454.545	878.713.189
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	400.000	22.547.000
Thu phí định mức nước- bồi thường di dời hệ thống cấp nước	559.712.674	-
Thu nhập khác	115.597.439	17.316.492
Chi phí khác	15.557.959	(125.833.906)
Thanh lý TSCĐ	31.803.723	22.653.978
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	(22.650.085)	(169.821.963)
Chi phí khác	6.404.321	21.334.079
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.096.466.315	1.286.355.042

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(3.247.627.558)	(1.697.489.836)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(3.348.092.688)	(7.841.023.491)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	100.465.130	6.143.533.655
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	-	21.334.079
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	21.334.079
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	39%	40%
Thu nhập tính thuế	(3.247.627.558)	(1.676.155.757)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	(1.290.823.342)	(3.164.503.506)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(2.057.269.346)	(4.655.185.906)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	100.465.130	6.143.533.655
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2018 là năm Công ty không được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.247.627.558)	(1.697.489.836)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.247.627.558)	(1.697.489.836)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(250)	(131)
b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.247.627.558)	(1.697.489.836)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.247.627.558)	(1.697.489.836)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng		
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm		-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(250)	(131)
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nước sạch	354.656.615.481	378.895.109.255
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.685.642.641	6.710.490.071
Chi phí nhân công	46.280.339.111	46.682.035.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.611.101.788	22.471.785.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.595.814.086	24.001.032.157
Chi phí khác bằng tiền	59.004.410.628	29.813.224.832
Cộng	489.833.923.735	508.573.677.922

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Cổ tức chưa thanh toán	6.546.754.354	10.094.793.705
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	-	33.583.333
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	3.548.039.351	68.102.249
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	-	10.377.637.820
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này	-	5.304.563.676

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	347.702.854.358	378.894.327.429
Mua vật tư	-	8.255.260.240
Mua tài sản	-	5.201.461.725
Thuê tài sản hoạt động	-	22.658.913.563
Lãi vay phải trả	301.767.339	417.687.225
Phải trả tiền dịch vụ	-	114.600.000
Phải thu do chi hộ	-	117.296.060
Phải thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	2.770.804.660	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ	819.520.536	918.395.071

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	938.333.745	127.300.168
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	(123.437)	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	30/06/2018	31/12/2017
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	104.806.339.735	104.486.986.997
Phải thu các khoản chi hộ	2.872.765.106	2.987.027.416
Phải trả thương mại	(165.288.139.602)	(145.615.297.241)
Phải trả phí thực hiện công trình XD/CB	(7.109.095.468)	(7.109.095.468)
Phải trả tiền vay	4.603.958.984	(5.499.949.329)
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(110.000.000)	(110.000.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	176.086.107	446.849.460
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	304.676.838	304.812.619
Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan		
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng .		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:		
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tiền lương	1.055.642.410	971.402.474
Các khoản bảo hiểm phải trả	44.807.017	33.941.568
Cộng	1.100.449.427	1.005.344.042

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Các khoản vay	21.365.297.611	5.499.949.329
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(30.704.509.108)	(50.360.540.017)
Nợ thuần	(9.339.211.497)	(44.860.590.688)
Vốn chủ sở hữu	190.602.095.973	208.728.059.950
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0.05)	(0.21)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/06/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.704.509.108	30.704.509.108	50.360.540.017	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.052.494.384	35.052.494.384	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	112.082.319.041	112.082.319.041	110.399.964.473	110.399.964.473
Phải thu khác	2.880.666.621	2.880.666.621	3.078.366.431	3.078.366.431
Cộng	180.719.989.154	180.719.989.154	163.847.200.921	163.847.200.921

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người

bán	171.635.987.582	171.635.987.582	153.361.303.772	153.361.303.772
Chi phí phải trả	71.020.899.764	71.020.899.764	39.515.227.083	39.515.227.083
Phải trả khác	38.792.122.206	38.792.122.206	34.079.979.300	34.079.979.300
Các khoản vay	21.365.297.611	21.365.297.611	5.499.949.329	5.499.949.329
Cộng	302.814.307.163	302.814.307.163	232.456.459.484	232.456.459.484

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.704.509.108	-	-	30.704.509.108
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.044.164.384	8.330.000	-	35.052.494.384
Phải thu của khách hàng	112.082.319.041	-	-	112.082.319.041
Phải thu khác	2.872.765.106	7.901.515	-	2.880.666.621
Cộng	180.703.757.639	16.231.515	-	180.719.989.154
Phải trả cho người bán	171.635.987.582	-	-	171.635.987.582
Chi phí phải trả	35.510.449.882	35.510.449.882	-	71.020.899.764
Phải trả khác	20.024.431.614	18.767.690.592	-	38.792.122.206
Các khoản vay	12.066.634.712	2.819.514.272	6.479.148.627	21.365.297.611
Cộng	239.237.503.790	57.097.654.746	6.479.148.627	302.814.307.163
Chênh lệch thanh khoản thuần	(58.533.746.151)	(57.081.423.231)	(6.479.148.627)	(122.094.318.009)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	-	-	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	110.399.964.473	-	-	110.399.964.473
Phải thu khác	3.070.464.916	7.901.515	-	3.078.366.431
Cộng	163.830.969.406	16.231.515	-	163.847.200.921
Phải trả cho người bán	153.361.303.772	-	-	153.361.303.772
Chi phí phải trả	39.515.227.083	-	-	39.515.227.083
Phải trả khác	15.234.719.089	18.845.260.211	-	34.079.979.300
Các khoản vay	1.788.212.721	3.711.736.608	-	5.499.949.329
Cộng	209.899.462.665	22.556.996.819	-	232.456.459.484
Chênh lệch thanh khoản thuần	(46.068.493.259)	(22.540.765.304)	-	(68.609.258.563)


Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2018


Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập biểu


Vũ Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng



Huỳnh Tuấn Anh
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ II NĂM 2018

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2018 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 2 năm 2018 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý II năm 2018 (1)	Quý II năm 2017 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Doanh thu nước	246,994,655,842	264,991,623,245	(17,996,967,403)	93.21%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,711,145,975	6,633,484,535	(2,922,338,560)	55.95%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	250,705,801,817	271,625,107,780	(20,919,305,963)	92.30%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 20.919.305.963 đồng, tỷ lệ giảm 7,7% gồm:

1. Doanh thu nước quý 2 năm 2018 thấp hơn quý 2 năm 2017 là 17.996.967.403 đồng, tỷ lệ giảm là 6,79% do:

Sản lượng nước cung cấp quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 2.603.241 m³, tỷ lệ giảm 9,12% làm cho doanh thu nước giảm 24.232.711.399 đồng do quý 2 năm 2018 Công ty đã chuyển giao địa bàn Bình Chánh về Tổng Công ty CN Sài Gòn

Giá bán bình quân quý 2 năm 2018 tăng so với quý 2 năm 2017 là 101 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101.097%, làm cho doanh thu tăng thêm 2.882.407.286 đồng

Doanh thu cho thuê TCSĐ huyện Bình Chánh quý 2 năm 2018 tăng 2.770.807.660 đồng so với quý 2 năm 2017 do quý 2 năm 2017, Công ty chưa chuyển giao địa bàn Bình Chánh cho Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn nên không phát sinh khoản doanh thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh

Doanh thu truy thu quý 2 năm 2018 tăng so với quý 2 năm 2017 là 574.268.667 đồng, tỷ lệ tăng 125,97%

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 2.922.338.560 đồng, tỷ lệ giảm 44,05%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý II năm 2018 (1)	Quý II năm 2017 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	232,696,437,922	253,447,804,221	(20,751,366,299)	91.81%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	4,566,626,457	3,172,394,354	1,394,232,103	143.95%
Cộng	237,263,064,379	256,620,198,575	(19,357,134,196)	92.46%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu (A)	Quý II năm 2018 (1)	Quý II năm 2017 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	181,308,639,257	192,255,349,558	(10,946,710,301)	94.31%
Chi phí nguyên vật liệu khác	812,071,790	1,576,145,550	(764,073,760)	51.52%
Chi phí nhân công	16,082,582,999	16,067,344,625	15,238,374	100.09%

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí khấu hao tài sản	10,381,469,568	9,655,616,015	725,853,553	107.52%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	12,141,913,980	22,658,913,563	(10,516,999,583)	53.59%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	8,595,963,030	9,376,736,316	(780,773,286)	91.67%
Chi phí chống thất thoát nước	1,973,089,083	494,690,573	1,478,398,510	398.85%
Chi phí cải tạo ống mucus		5,033,237	(5,033,237)	0.00%
Chi phí sửa bể	1,021,288,283	627,686,295	393,601,988	162.71%
Chi phí khác	379,419,932	730,288,489	(350,868,557)	51.95%
Tổng chi phí sản xuất	232,696,437,922	253,447,804,221	-20,751,366,299	91.81%

b. Thuyết minh

Giá vốn hàng bán trong quý 2 năm 2018 thấp hơn so với quý 2 năm 2017 là 19.357.134.196 đồng, tỷ lệ giảm 7,54% gồm:

- Chi phí mua si nước sạch giảm do sản lượng nước mua si quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 2.938.998 m³, tỷ lệ giảm 7,54% làm cho chi phí mua si nước sạch giảm 10.946.710.301 đồng, tỷ lệ giảm là 5,69%
- Chi phí nhân nguyên liệu, vật liệu khác phục vụ công tác sửa bể, chống thất thoát nước giảm 764.073.760 đồng, tỷ lệ giảm 48,48%.
- Chi phí KHTSCĐ tăng 725.853.553 đồng, tỷ lệ tăng 107,52%
- Chi phí thuê TSCĐ giảm 10.516.999.583 đồng, tỷ lệ giảm 46,41% do quý 2 năm 2018 Công ty không thuê TSCĐ Huyện Bình Chánh, Công ty không còn quản lý địa bàn này từ ngày 21/06/2017.
- Chi phí CTTN tăng 1.478.398.510 đồng, tỷ lệ tăng 398,85% do 6 tháng đầu năm 2018, Công ty tập trung vào công tác sửa chữa ống mucus, thay thế đồng hồ tổng và các thiết bị nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Chi phí sửa bể quý 2 năm 2018 tăng so với quý 2 năm 2017 là 393.601.988 đồng, tỷ lệ tăng 162,71%
- Chi phí khác quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 350.868.557 đồng, tỷ lệ giảm 48,05%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2,665,400,666	2,552,691,279	112,709,387	104.42%
Chi phí công cụ dụng cụ	545,793,591	169,740,151	376,053,440	321.55%
Chi phí khấu hao	231,703,410	223,106,128	8,597,282	103.85%
Dự Phòng phải thu khó đòi			-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	917,631,254	457,967,506	459,663,748	200.37%
Cộng	4,360,528,921	3,403,505,064	957,023,857	128.12%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 2 năm 2018 cao so với quý 2 năm 2017, tăng 957.023.857 đồng, tỷ lệ tăng 128,12% chủ yếu do:

- Chi phí công cụ dụng cụ tăng 376.053.440 đồng, tỷ lệ tăng 321,55% do cuối năm 2017 và đầu năm 2018 Công ty đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ công tác phát hành hóa đơn điện tử tiền nước và hóa đơn điện tử cung cấp dịch vụ.

2. Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng 459.663.748 đồng, tỷ lệ tăng 200,37% trong đó tăng chủ yếu là chi phí in mẫu ấn chỉ, khoản mua sắm giấy in nhiệt phục vụ công tác in hóa đơn điện tử (quý 2 năm 2017 chưa phát sinh chi phí này).

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	5,465,806,805	4,897,787,935	568,018,870	111.60%
Chi phí công cụ dụng cụ	865,951,531	1,568,360,399	(702,408,868)	55.21%
Chi phí khấu hao	978,560,905	407,719,864	570,841,041	240.01%
Thuế, phí chuyển tiền	48,431,073	53,769,405	(5,338,332)	90.07%
Thuê đất	590,234,400	356,548,500	233,685,900	165.54%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	2,357,786,143	2,517,896,193	(160,110,050)	93.64%
Cộng	10,306,770,857	9,802,082,296	504,688,561	105.15%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 2 năm 2018 tăng so với quý 2 năm 2017 là 504.688.561 đồng, tỷ lệ tăng 105,15% do

- Chi phí nhân công tăng: 568.018.870 đồng, tỷ lệ tăng 111,60%
- Chi phí công cụ dụng cụ giảm 702.408.868 đồng, tỷ lệ giảm 44,79%
- Chi phí KHTSCĐ tăng 570.841.041 đồng, tỷ lệ tăng 240,01%
- Tiền thuê đất tăng 233.685.900 đồng, tỷ lệ tăng 165,54%, do năm 2018 áp dụng giá thuê đất mới là 764.800 đồng/m², cao hơn so với năm 2017 là 302.654 đồng/m²

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	439,479,407	150,833,300	288,646,107	291.37%
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,876,532	26,997,957	(18,121,425)	32.88%
Cộng	448,355,939	177,831,257	270,524,682	252.12%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 2 năm 2018 tăng so với quý 2 năm 2017 là 270.524.682 đồng, tỷ lệ tăng 252,12% do quý 2 năm 2018 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn cao hơn so với quý 2 năm 2017

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí lãi vay	183,990,783	201,741,475	(17,750,692)	91.20%
Cộng	183,990,783	201,741,475	(17,750,692)	91.20%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 17.750.692 đồng, tỷ lệ giảm 8,8% do chi phí hoạt động tài chính giảm dần theo số dư nợ

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	3.636.364	33.636.367	(30.000.003)	10,81%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	232.498.131	412.844.237	(180.346.106)	56,32%
Thu tiền thanh lý TSCĐ	105.454.545	-	105.454.545	
Thu tiền bồi thường di dời	559.712.674	-	559.712.674	
Thu khác	102.819.629	21.435.300	81.384.329	479,67%
Cộng	1.004.121.343	467.915.904	536.205.439	214,59%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 2 năm 2018 tăng so với quý 2 năm 2017 là 536.205.439 đồng, tỷ lệ tăng 214,59% , thu nhập khác tăng chủ yếu do thu nhập từ thu tiền thanh lý TSCĐ là 105.454.545 đồng và thu tiền bồi thường di dời là 559.712.674 đồng.

VII. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thanh lý	21.363.636		21.363.636	
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	268.784.085	660.415.975	(391.631.890)	40,70%
Lập dự phòng			-	
Cộng	293.050.755	704.404.032	(411.353.277)	41,60%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 411.353.277 đồng, tỷ lệ giảm 58,4% chủ yếu do chi phí đầu tư ống cái giảm 391.631.890 đồng, tỷ lệ giảm 59,3%

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(249.126.596)	1.538.923.500	(1.788.050.097)	-16,19%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 2 năm 2018 thấp hơn lợi nhuận của quý 2 năm 2017 là 1.788.050.097 đồng tỷ lệ giảm là 116,19%

LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ NHU QUỲNH



Quận 5, ngày 18 tháng 07 năm 2018

GIÁM ĐỐC

HUỲNH TUẤN ANH